TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – TÂY NINH** TỈNH TÂY NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04 – 6 – 2026
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lý

2. Ông Nguyễn Văn Bé

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ph**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp Chánh, xã Đức Huệ, tỉnh Tây Ninh.

– *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn Th**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp Chánh, xã Đức Huệ, tỉnh Tây Ninh.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ph: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Bà Ph, ông Th có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Bình Hòa Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An vào ngày 19/6/1998 (Số 01/1998). Trong quá trình chung sống, bà Ph

xác định vợ chồng có 02 con chung tên Phạn Thái Sơn, sinh ngày 28/05/1991 và Phạm Văn Hải, sinh ngày 24/01/1993. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình hai bên không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2013 cho đến nay. Nay, bà Ph nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà Ph yêu cầu Tòa án giải quyết:

– *Về hôn nhân:* Bà Ph yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn Th.

– *Về con chung*: Bà Ph và ông Th có 02 con chung tên Phạm Thái Sơn, sinh ngày 28/05/1991 và Phạm Văn Hải, sinh ngày 24/01/1993. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

– *Về tài sản và nợ:* Bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của bị đơn – ông Phạm Văn Th: Ông Th vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh đã tiến hành hòa giải vụ án nhưng ông Th vắng mặt tại các phiên hòa giải. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Ph và ông Phạm Văn Th có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Bình Hòa Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An vào ngày 19/6/1998 (Số 01/1998) nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn đây là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình; bị đơn cư trú tại xã Đức Huệ, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bà Nguyễn Thị Ph và ông Phạm Văn Th: Bà Nguyễn Thị Ph có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; ông Phạm Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ph và ông Phạm Văn Th:

Bà Nguyễn Thị Ph trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã,

tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà Ph xác định mâu thuẫn giữa bà và ông Th là không thể hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông Th vắng mặt nên không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ph, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay các bên vẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Từ những vấn đề nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà Ph và ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ph đối với ông Th.

[4] Về con chung: Bà Ph và ông Th có 02 con chung tên Phạm Thái Sơn, sinh ngày 28/05/1991 và Phạm Văn Hải, sinh ngày 24/01/1993. Các con đã trưởng thành bà Ph không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ: Bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Th không có văn bản thể hiện yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph đối với ông Phạm Văn Th.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ph được ly hôn với ông Phạm Văn Th.

2. Về con chung: Bà Ph và ông Th có 02 con chung tên Phạn Thái Sơn, sinh ngày 28/05/1991 và Phạm Văn Hải, sinh ngày 24/01/1993. Các con đã trưởng thành bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Th không có văn bản thể hiện yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

3. Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà Ph đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015359 ngày 15 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh sang thi hành án phí. Bà Ph đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV 2 – Tây Ninh;
- Phòng THADS KV 2 – Tây Ninh;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Huỳnh Anh Huy – Võ Thành Trung	**Nguyễn Thị Thật**